

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2024
Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;

Bà Hà Thị Kim Thu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký **Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất**, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Thuộc trường hợp Viện Kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 100/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Thùy T**, sinh năm: 1997. Địa chỉ: **Tổ E, ấp K, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang** (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Lê Văn T1**, sinh năm: 1989. Địa chỉ: **Tổ E, ấp K, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Trần Thị Thùy T** trình bày như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh **Lê Văn T1** tự quen biết nhau, sau đó tìm hiểu, yêu thương nhau, tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình thống nhất làm lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân (UBND) **xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 23/02/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sinh sống **tổ E, ấp K, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang**.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2022, giữa chị và anh **T1** thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, chị và anh **T1** ly thân hơn một năm nay. Chị nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục cuộc sống như thế này được nữa, chị muốn giải thoát cuộc hôn nhân này để mỗi người có cuộc sống tốt hơn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **T1**.

- *Về quan hệ con chung:* Quá trình chung sống với nhau, chị và anh **T1** có một người con chung tên **Lê Thị Cẩm T2**, sinh ngày 25/12/2014. Hiện nay con đang ở với chị, nên khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh **T1** phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Chị **T** xác định quá trình chung sống chị và anh **T1** không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh **Đình Quốc N:**

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh **T1** đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh **T1** đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, khi Cán bộ Tòa án đến tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh **T1**, thì mẹ ruột của anh **T1** ở cùng địa chỉ tên **Nguyễn Thị Y** nhận thay và cam kết thông báo với anh **T1**. Đồng thời bà **Y** cho biết, anh **T1** cũng đồng ý ly hôn với chị **T** và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh **T1**, do anh **T1** bận đi làm Công ty, khó xin nghỉ việc, nên không thể có mặt tại Tòa án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị **Trần Thị Thùy T** xin được ly hôn và nuôi con với anh **Lê Văn T1**. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh **Lê Văn T1** có nơi cư trú tại **tổ E, ấp K, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang**, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị **Trần Thị Thùy T** có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh **Lê Văn T1** vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **Trần Thị Thùy T** và anh **Lê Văn T1** tự quen biết nhau, sau đó tìm hiểu, yêu thương nhau, tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình thống nhất làm lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân (UBND) **xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 23/02/2016. Như vậy, hôn nhân giữa chị **T** và anh **T1** là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị **T** về việc xin ly hôn với anh **T1** thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa chị **T** và anh **T1** có phát sinh mâu thuẫn, mà theo trình bày của chị **T** là bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, nên chị và anh **T1** đã ly thân hơn một năm nay. Chị **T** xác định trong thời gian chị và anh **T1** sống ly thân với nhau, thì giữa chị và anh **T1** không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên để hai bên đoàn tụ gia đình, nhưng chị **T** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh **T1**.

Từ đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị **T** và anh **T1** đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị **T** yêu cầu được ly hôn với anh **T1** là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận cho chị **Trần Thị Thùy T** được ly hôn với anh **Lê Văn T1**.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Quá trình chung sống với nhau, chị và anh **T1** có một người con chung tên **Lê Thị Cẩm T2**, sinh ngày 25/12/2014. Hiện nay con

đang ở với chị, nên khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh **T1** phải cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy, từ khi chị **T** và anh **T1** sống ly thân với nhau cho đến nay, thì chị **T** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **T2** và hiện cháu **T2** phát triển bình thường. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống và nhằm giúp cháu **T2** phát triển tốt về mọi mặt, nên giao cho chị **T** được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu **Lê Thị Cẩm T2**, sinh ngày 25/12/2014 đến tuổi trưởng thành là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[3.4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Chị **T** xác định trong quá trình chung sống giữa chị và anh **T1** không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không giải quyết.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị **Trần Thị Thùy T** phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị Thùy T** được ly hôn với anh **Lê Văn T1**.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu **Lê Thị Cẩm T2**, sinh ngày 25/12/2014 cho chị **Trần Thị Thùy T** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị **Trần Thị Thùy T** nuôi con; anh **Lê Văn T1** được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị **Trần Thị Thùy T** xác định giữa chị và anh **Lê Văn T1** không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị **Trần Thị Thùy T** phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị **T** đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007096 ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chị **T** không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- THADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Sơn Kiên,
Hòn Đất, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Nguyễn Thanh Huy

